

Số: 67/2021/QĐST-HNGĐ

N, ngày 31 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Giáo viên.

Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 05 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Có 03 con chung là Trần Thị Mai A, sinh ngày 17/1/1992; Trần Thị Diệu L, sinh 15/5/ 1996 (hiện đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập) và Trần Mỹ T, sinh ngày 17/2/2005. Sau khi ly hôn chị V được trực tiếp

nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Mỹ T, sinh ngày 17/02/2005 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi (trừ trường hợp có thay đổi khác).

Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

Sau khi ly hôn anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị V cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh B.

2.2. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị V nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0000233 ngày 08/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Hoàn lại cho chị V 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã G.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

HÀ MINH LỰC